





PHỤ LỤC TỔNG HỢP Ý KIẾN GÓP Ý CỦA CÁC ĐƠN VỊ
(Kèm báo cáo số /BC-SGDĐT ngày tháng 08 năm 2021)

Cơ quan	Tài liệu đính kèm	Nội dung góp ý	Ý kiến giải trình, tiếp thu của Sở GDĐT
I. Sở ban ngành			
1. Sở Nội Vụ	 Nội vụ.pdf	<p>Tại khoản 3 điều 5 Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08/9/2020 của Chính phủ Quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non quy định phương thức thực hiện chính sách đối với cơ sở giáo dục mầm non... như sau “<i>Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều này, căn cứ khả năng ngân sách địa phương và số lượng cơ sở giáo dục mầm non độc lập trên địa bàn thuộc diện được hỗ trợ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng kế hoạch, phương án hỗ trợ, phương án kiểm tra việc hỗ trợ và sử dụng kinh phí cho các cơ sở giáo dục mầm non độc lập trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phê duyệt để tổ chức thực hiện, bảo đảm việc hỗ trợ cho các cơ sở giáo dục mầm non độc lập hoàn thành trước ngày 30 tháng 6 hằng năm</i></p> <p>Quan điểm của cơ quan chủ trì soạn thảo là không đưa quy định này vào dự thảo Nghị quyết và sẽ trình HĐND tỉnh khi có đối tượng thụ hưởng. Tuy nhiên, Sở Nội vụ nhận thấy HĐND tỉnh phê duyệt phương án hỗ trợ, phương án kiểm tra việc hỗ trợ và sử dụng kinh phí cụ thể cho từng đơn vị (khi có đối tượng) sẽ không mang tính bao quát, thống nhất chung trong việc thực hiện chính sách. Do vậy đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu báo cáo, tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh quy định phương thức thực hiện cho phù hợp, đảm bảo tính thống nhất.</p>	<p>Theo Sở Tư pháp tại Công văn số 697/STP-XDKTr&TDTHPL ngày 31/5/2021 về tham gia ý kiến đối với đề nghị xây dựng Nghị quyết của HĐND tỉnh đề cập nội dung: “Phê duyệt kế hoạch, phương án hỗ trợ, phương án kiểm tra việc hỗ trợ và sử dụng kinh phí cho các cơ sở giáo dục mầm non độc lập” không chứa quy tắc xử sự chung, không là quy phạm pháp luật. Vì vậy, Sở GDĐT giữ quan điểm không đưa nội dung này vào Nghị quyết lần này.</p>
2. Sở Tài Chính		<p>1. Về tiêu đề Nghị quyết: Quy định mức hỗ trợ cho trẻ em, giáo viên, cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục ở khu công nghiệp.</p>	<p>Vì đối tượng được thụ hưởng chính sách có khác nhau theo Khoản 1 Điều 5,</p>






 Sở Tài chính.pdf	<p>Sở Tài chính tham gia bổ sung đầy đủ tiêu đề Nghị quyết như sau: <i>Quy định mức hỗ trợ cho trẻ em, giáo viên, cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp tỉnh Kon Tum.</i></p>	<p>Khoản 1 Điều 8, Khoản 1 Điều 10 tại Nghị định số 105/2020/NĐ-CP nên Sở GDĐT giữ nguyên tiêu đề Nghị quyết.</p>
	<p>2. Về phạm vi điều chỉnh của Nghị quyết: Tại dự thảo Nghị quyết biên tập: <i>Nghị quyết này quy định mức hỗ trợ cho các đối tượng tại Khoản 1 Điều 5, Khoản 1 Điều 8, Khoản 1 Điều 10 tại Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non thực hiện trên địa bàn tỉnh Kon Tum.</i> Căn cứ theo quy định tại Nghị định số 105/2020/NĐ-CP; Sở Tài chính tham gia và đề nghị Sở Giáo dục và Đào tạo nghiên cứu biên tập tại khoản 1 Điều 1 Nghị quyết theo hướng như sau: “Điều 1: 1. Phạm vi điều chỉnh: <i>Quy định mức hỗ trợ đối với trẻ em mầm non là con công nhân, người lao động làm việc tại khu công nghiệp; Mức hỗ trợ đối với giáo viên mầm non làm việc tại cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp và mức hỗ trợ các cơ sở giáo dục mầm non độc lập dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp, nơi có nhiều lao động trên địa bàn tỉnh Kon Tum”.</i></p>	<p>Sở GDĐT tiếp thu, điều chỉnh biên tập lại theo góp ý của Sở Tài chính.</p>
	<p>3. Mức hỗ trợ cụ thể: Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định mức hỗ trợ tối thiểu; Mức hỗ trợ do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng phù hợp với khả năng ngân sách của địa phương, trình Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét, quyết định.</p>	<p>Sở GDĐT tiếp thu và điều chỉnh theo góp ý, biên tập bổ sung nội dung tại điểm b Khoản 3 Điều 2 về Mức hỗ trợ đối với giáo viên mầm non <i>“Thời gian hỗ trợ tính theo số tháng dạy thực tế, nhưng không quá 9 tháng/năm học. Trường</i></p>





	<p>Trong điều kiện ngân sách còn khó khăn; Sở Tài chính cơ bản thống nhất như mức hỗ trợ Sở Giáo dục và Đào tạo dự kiến xây dựng bằng mức tối thiểu quy định tại Nghị định số 105/2020/NĐ-CP để trình cấp thẩm quyền ban hành, như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mức hỗ trợ 01 lần cho cơ sở giáo dục mầm non độc lập ở địa bàn có khu công nghiệp là 20 triệu đồng/cơ sở giáo dục mầm non độc lập. - Mức hỗ trợ cho trẻ em mầm non là con công nhân, người lao động làm việc tại khu công nghiệp hàng tháng là 160.000 đồng/trẻ/tháng. Thời gian hỗ trợ tính theo số tháng học thực tế, nhưng không quá 9 tháng/năm học. -Mức hỗ trợ cho giáo viên mầm non làm việc tại cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp hàng tháng là 800.000 đồng/tháng. Đề nghị Sở Giáo dục và Đào tạo nghiên cứu biên tập bổ sung thêm nội dung sau: <i>Thời gian hỗ trợ tính theo số tháng dạy thực tế, nhưng không quá 9 tháng/năm học. Trường hợp dạy dưới 15 ngày trong 01 tháng thì được tính ½ tháng; trường hợp từ 15 ngày trở lên thì tính tròn 01 tháng.</i> <p>4. Nghiên cứu bổ sung thêm nội dung trong dự thảo Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh để đảm bảo đầy đủ các nội dung giao thẩm quyền Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt tại Nghị định số 105/2020/NĐ-CP.</p> <p>Theo quy định tại khoản 3 Điều 5 Chính sách đối với cơ sở giáo dục mầm non độc lập dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp, nơi có nhiều lao động, quy định: “3. <i>Phương thức thực hiện: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng kế hoạch, phương án hỗ trợ, phương án kiểm tra việc hỗ trợ và sử dụng kinh phí cho</i></p>	<p><i>hợp dạy dưới 15 ngày trong 01 tháng thì được tính ½ tháng; trường hợp từ 15 ngày trở lên thì tính tròn 01 tháng”.</i></p> <p>Trùng ý kiến với Sở Nội Vụ, Sở GDĐT giữ quan điểm theo hướng dẫn của Sở Tư pháp</p>
--	---	--

	<p><i>các cơ sở giáo dục mầm non độc lập trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phê duyệt để tổ chức thực hiện, bảo đảm việc hỗ trợ cho các cơ sở giáo dục mầm non độc lập hoàn thành trước ngày 30 tháng 6 hằng năm.”</i></p>	
	<p>5. Nguồn kinh phí thực hiện các chính sách nêu trên. Theo quy định tại khoản 1 Điều 12 Nghị định 105/2020/NĐ-CP: <i>“1. Kinh phí thực hiện các chính sách quy định tại Nghị định này bao gồm:</i> <i>a) Ngân sách nhà nước bao gồm: ngân sách địa phương; ngân sách Trung ương hỗ trợ cho các địa phương theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn hiện hành.</i> <i>- Ngân sách địa phương thực hiện các chính sách quy định tại các điều 5, 8, 10 và 11 Nghị định này.</i> <i>b) Nguồn vốn xã hội hóa giáo dục và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác.”</i> Theo đó, đề nghị Sở Giáo dục và Đào tạo bổ sung biên tập nội dung kinh phí thực hiện thành Điều 3 dự thảo Nghị quyết HĐND tỉnh (sau khi biên tập lại Điều 1 Phạm vi điều chỉnh; Điều 2 Đối tượng áp dụng, biên tập gộp thành Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng.) và Điều 4 trong dự thảo chuyển thành Điều 3 như sau: +“Điều 3. Nguồn kinh phí thực hiện. - Do ngân sách địa phương thực hiện theo phân cấp ngân sách hiện hành. - Nguồn vốn xã hội hóa giáo dục và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác.”</p>	<p>Sở GDĐT tiếp thu và bổ sung nội dung Nghị quyết; bổ sung Phụ lục dự kiến nhu cầu kinh phí phát sinh khi các chính sách hỗ trợ nêu trên được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua trong quá trình báo cáo đề xuất cấp có thẩm quyền xem xét ban hành Nghị quyết.</p>

		<p>Để ban hành chính sách đảm bảo tính khả thi, phù hợp với khả năng ngân sách địa phương; đề nghị Sở Giáo dục và Đào tạo tổng hợp báo cáo bổ sung thêm dự kiến nhu cầu kinh phí phát sinh khi các chính sách hỗ trợ nêu trên được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua trong quá trình báo cáo đề xuất cấp có thẩm quyền xem xét ban hành Nghị quyết.</p>	
3. Sở Kế hoạch đầu tư	 Kế hoạch và Đầu tư.pdf	<p>Tuy nhiên, để dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh được hoàn thiện hơn, đề nghị Sở Giáo dục và Đào tạo xem xét bổ sung điều, khoản quy định về nguồn kinh phí thực hiện tại dự thảo Nghị quyết.</p>	<p>Trùng ý kiến với Sở Tài chính, Sở GDĐT tiếp thu và bổ sung điều, khoản quy định về nguồn kinh phí thực hiện tại dự thảo Nghị quyết.</p>
4. Sở Tư Pháp	 Sở tư pháp 1.pdf	<p>2. Sở Tư pháp nhận thấy có sự trùng lặp về phạm vi điều chỉnh (Điều 1 dự thảo) và đối tượng áp dụng (Điều 2 dự thảo). Vì vậy, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo xem xét, biên tập lại cho phù hợp. Để thống nhất với tên gọi của dự thảo, Điều 1 của dự thảo Nghị quyết có thể biên tập lại theo hướng sau: <i>“Nghị quyết này quy định mức hỗ trợ cho trẻ em, giáo viên, cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục ở khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Kon Tum”</i>.</p>	<p>Trùng ý kiến với Sở Tài chính, Sở Giáo dục và Đào tạo tiếp thu và nghiên cứu điều chỉnh, biên tập lại để đảm bảo về mặt nội dung của Nghị quyết.</p>
		<p>3. Theo dự kiến tại Điều 3 dự thảo, mức hỗ trợ cho các đối tượng quy định khoản 1 Điều 5; khoản 1 Điều 8; khoản 1 Điều 10 của Nghị định số 105/2020/NĐ-CP bằng với mức tối thiểu đã được Chính phủ quy định. Vì vậy, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo không tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quy định lại từng mức hỗ trợ. Cơ quan chủ trì soạn thảo nên tham mưu có quy định chung. Có thể biên tập Điều 3 dự thảo như sau: <i>“Mức hỗ trợ cho các đối tượng quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 2 Nghị quyết này bằng mức tối thiểu</i></p>	<p>Với nội dung này, Sở Giáo dục và Đào tạo thống nhất thực hiện theo góp ý, bổ sung của Sở Tài chính cho dự thảo Nghị quyết, vì vậy về ý kiến của Sở Tư pháp, Sở Giáo dục và Đào tạo tiếp thu, điều chỉnh.</p>

	<p>(<i>tương ứng với từng đối tượng</i>) được Chính phủ quy định tại Nghị định số 105/2020/NĐ-CP”. Bên cạnh đó, đề nghị sửa lại tên Điều 3 là: “<i>Mức hỗ trợ</i>”. Lý do: Nội dung Điều 3 không quy định chính sách hỗ trợ (chính sách hỗ trợ đã được Chính phủ quy định).</p>	
	<p>4. Dự thảo chưa được trình bày đúng quy định về thể thức, kỹ thuật trình bày văn bản. Vì vậy, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo căn cứ quy định tại Chương V Nghị định số 34/2016/NĐ-CP và Mẫu số 16 của Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP để trình bày đúng quy định.</p>	<p>Sở Giáo dục và Đào tạo tiếp thu và biên soạn trình bày đúng quy định tại Chương V Nghị định số 34/2016/NĐ-CP và Mẫu số 16 của Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP theo hướng dẫn của Sở Tư pháp.</p>
	<p>5. Đề nghị Sở Giáo dục và Đào tạo trên cơ sở các ý kiến tham gia, góp ý của các cơ quan, tổ chức, cá nhân, tiếp thu hoặc thực hiện việc giải trình đối với các ý kiến không tiếp thu và hoàn thiện dự thảo Nghị quyết, gửi Sở Tư pháp thẩm định trước khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, trình Hội đồng nhân dân tỉnh (<i>dự thảo Nghị quyết gửi thẩm định đề nghị đánh số thứ tự theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 39 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP</i>).</p> <p>Hồ sơ gửi thẩm định đề nghị thực hiện theo quy định tại Điều 121 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (<i>đã được sửa đổi, bổ sung theo khoản 36 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật</i>). Bên cạnh đó, qua theo dõi trên Cổng thông tin điện tử tỉnh Kon Tum, Sở Tư pháp nhận thấy thời hạn đăng tải để lấy ý kiến chưa đúng với quy định tại khoản 1 Điều 120 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (ngày đăng tải: ngày 23 tháng 7 năm</p>	<p>- Tiếp thu và thực hiện theo hướng dẫn dự thảo Nghị quyết gửi thẩm định đề nghị đánh số thứ tự theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 39.</p> <p>- Tiếp thu và phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện việc đăng tải trên Cổng thông tin điện tử tỉnh Kon Tum theo đúng quy định về thời hạn đăng tải để lấy ý kiến chưa đúng với quy định tại khoản 1 Điều 120 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.</p>

		2021; ngày hết hạn: ngày 27 tháng 7 năm 2021). Vì vậy, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp tục phối hợp Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện việc đăng tải trên Cổng thông tin điện tử tỉnh Kon Tum theo đúng quy định.	
5. Sở LĐ Thương Binh và XH	 Sở LĐTB XH.pdf	Thông nhất	
6. Sở Thông tin và truyền thông		Thông nhất (Không có VB góp ý)	
7. Sở NN và PT Nông thôn		Thông nhất (Không có VB góp ý)	
8. Sở Tài nguyên môi trường	 Sở Tài nguyên Môi trường.pdf	Thông nhất	
9. Sở Y tế	 Y tế.pdf	Thông nhất	
10. Sở VH Thể thao Du lịch	 VHTTDL.pdf	Thông nhất	
II. UBND huyện, thành phố			
1. Kon Tum		Thông nhất (Không có VB góp ý)	
2. Đăk Hà		Thông nhất (Không có VB góp ý)	
3. Đăk Tô	 Đăk Tô.pdf	Thông nhất	

4. Ngọc Hồi	 UBND Ngọc Hồi.pdf	Thông nhất	
5. Đắk Glei	 Đắk Glei.pdf	Thông nhất	
6. Sa Thầy		Thông nhất (Không có VB góp ý)	
7. Kon Rẫy		Thông nhất (Không có VB góp ý)	
8. Kon Plong	 Kon Plong.pdf	Thông nhất	
9. Tu Mơ Rông		Thông nhất (Không có VB góp ý)	
10. Ia Hdrài	 Ia Hdrài.pdf	Thông nhất (Không có VB góp ý)	